

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC KIẾN TẠO MÔI TRƯỜNG KINH TẾ XANH Ở VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH TÂM*

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường và cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên ngày càng nghiêm trọng, việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và phát triển bền vững trở thành xu hướng tất yếu. Việt Nam đang tích cực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với cam kết mạnh mẽ về giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đặt ra yêu cầu phải đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa nền kinh tế. Bối cảnh đó đòi hỏi Nhà nước không chỉ quản lý mà còn giữ vai trò kiến tạo, chủ động hoàn thiện thể chế, chính sách và tạo động lực để các chủ thể trong nền kinh tế tham gia tích cực vào tiến trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Từ khóa: Kinh tế xanh; tăng trưởng xanh; nhà nước kiến tạo; suy thoái môi trường; quản trị môi trường.

In the context of intensifying climate change, environmental degradation, and the depletion of natural resources, the transition toward a green economy and sustainable development has emerged as an inevitable trend. Vietnam is actively promoting the acceleration of industrialization and modernization, in association with deep international integration. It is making firm commitments to reducing greenhouse gas emissions, particularly the goal of achieving net-zero emissions by 2050. This has created an urgent need to transform the growth model toward greening the economy. This context requires the State not only to manage but also to play a proactive role in perfecting institutions and policies and in providing incentives for economic actors to participate actively in the green economic transition.

Keywords: Green economy; green growth; developmental state; environmental degradation; environmental governance.

NGÀY NHẬN: 20/11/2025 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 27/12/2025 NGÀY DUYỆT: 23/01/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.360.2026.1411>

1. Kinh tế xanh và vai trò của Nhà nước trong việc kiến tạo môi trường kinh tế xanh

1.1. Khái niệm kinh tế xanh và xu hướng tất yếu của việc phát triển kinh tế xanh

“Kinh tế xanh” (green economy) là khái niệm được ra đời nhằm định hướng lại mô

hình tăng trưởng truyền thống theo hướng vừa bảo đảm tăng trưởng kinh tế, vừa giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và nguồn lực thiên nhiên. Theo Chương trình

* TS, Học viện Chính trị khu vực I

Môi trường Liên Hợp quốc (UNEP), kinh tế xanh là nền kinh tế “có mức phát thải carbon thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bao trùm xã hội” với mục tiêu cải thiện phúc lợi của con người, đồng thời giảm các rủi ro môi trường và khan hiếm sinh thái¹. Liên minh châu Âu (EU) định nghĩa: kinh tế xanh là nền kinh tế tăng trưởng thông minh, bền vững và công bằng². Tại Việt Nam, kinh tế xanh được định nghĩa là nền kinh tế tăng trưởng thông minh, bền vững và bao trùm (Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050). Như vậy, đặc điểm của kinh tế xanh là có sự kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội và môi trường, theo đó, hoạt động kinh tế được tổ chức hướng tới sử dụng tài nguyên tiết kiệm, giảm phát thải và thúc đẩy công bằng xã hội.

Những thập niên gần đây, phát triển kinh tế xanh đã trở thành xu hướng mới và được nhìn nhận là kết quả tất yếu của nhiều tác động. Trước hết, biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường đã đặt ra những chi phí kinh tế - xã hội lớn, buộc các quốc gia xem xét lại mô hình tăng trưởng truyền thống (kinh tế “nâu”) dựa vào nhiên liệu hóa thạch và tài nguyên cạn kiệt. Cùng với đó là áp lực đối với tài nguyên và an ninh năng lượng buộc nhiều quốc gia tăng cường phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng hiệu quả nguồn lực và đổi mới công nghệ xanh, từ đó giảm bớt sự lệ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch và hạn chế tiêu hao tài nguyên thiên nhiên. Ngoài ra, các cam kết quốc tế, như: *Hiệp định Paris 2015 về biến đổi khí hậu* và *Chương trình nghị sự 2030* cùng các *Mục tiêu Phát triển Bền vững* (SDGs) đã trở thành khuôn khổ quan trọng thúc đẩy các chính sách phát triển kinh tế xanh trên phạm vi toàn cầu, với việc chú trọng giảm phát thải và hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0” trong dài hạn.

1.2. Vai trò của Nhà nước trong việc kiến tạo môi trường kinh tế xanh

Dưới góc độ tiếp cận của quản trị nhà nước hiện đại, Nhà nước không chỉ thực hiện chức năng quản lý hành chính thuần túy mà ngày càng đóng vai trò kiến tạo phát triển, chủ động định hình môi trường thể chế, điều tiết các nguồn lực và thúc đẩy sự tham gia của các chủ thể xã hội trong việc chung tay vào quá trình phát triển đất nước bền vững. Trong bối cảnh chuyển đổi sang kinh tế xanh (mô hình phát triển gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội), vai trò kiến tạo của Nhà nước càng trở nên đặc biệt quan trọng và được thể hiện trên nhiều phương diện:

Thứ nhất, định hướng chiến lược và kiến tạo tầm nhìn về phát triển kinh tế xanh.

Trong nền kinh tế thị trường, thị trường khó có khả năng tự thân giải quyết các vấn đề mang tính dài hạn như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường hay cạn kiệt tài nguyên. Do đó, Nhà nước có trách nhiệm xác lập tầm nhìn, mục tiêu và lộ trình phát triển kinh tế xanh thông qua các chiến lược, quy hoạch và chương trình phát triển quốc gia. Trong các báo cáo của OECD³ và UNEP⁴ đều khẳng định vai trò của Nhà nước trong việc dẫn dắt quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững bằng việc định hình mục tiêu và ưu tiên chính sách dài hạn. Từ đó, Nhà nước định hướng hành vi của các chủ thể kinh tế khác, tạo sự thống nhất về nhận thức và huy động nguồn lực xã hội cho mục tiêu phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật nhằm tạo lập khuôn khổ pháp lý cho kinh tế xanh vận hành.

Thể chế được coi là “luật chơi” của nền kinh tế, quyết định cách thức phân bổ nguồn lực và định hình hành vi của các chủ thể khác trong xã hội. Nhà nước kiến tạo môi trường phát triển thông qua việc ban hành

các quy định pháp lý minh bạch, ổn định và có khả năng thực thi cao. Trong lĩnh vực kinh tế xanh, vai trò này được thể hiện ở việc xây dựng hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên, năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn và tài chính xanh... Chất lượng thể chế là yếu tố then chốt quyết định mức độ thành công của chính sách tăng trưởng xanh⁵. Nhà nước không chỉ ban hành chính sách mà còn phải bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán và khả năng thực thi của hệ thống thể chế kinh tế xanh.

Thứ ba, điều phối, dẫn dắt và điều tiết thị trường theo hướng xanh hóa.

Kinh tế xanh đòi hỏi sự can thiệp có chọn lọc của Nhà nước để khắc phục các thất bại thị trường, đặc biệt là các ngoại ứng tiêu cực về môi trường. Thông qua các công cụ kinh tế, như: thuế môi trường, phí phát thải, cơ chế định giá carbon và thị trường phát thải, Nhà nước có thể điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng theo hướng tiết kiệm tài nguyên và giảm phát thải. Việc sử dụng hiệu quả các công cụ thị trường là biểu hiện rõ nét của vai trò Nhà nước kiến tạo, khi Nhà nước định hướng thị trường vận hành theo mục tiêu phát triển bền vững. Chính vai trò điều tiết này của Nhà nước giúp bảo đảm sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường trong dài hạn.

Thứ tư, thúc đẩy, hỗ trợ và tạo động lực cho các chủ thể kinh tế tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh.

Nhà nước kiến tạo không hành động đơn lẻ mà tạo lập các điều kiện để khu vực tư nhân, cộng đồng và xã hội cùng tham gia giải quyết các vấn đề phát triển. Trong nền kinh tế xanh, vai trò này được thể hiện thông qua các chính sách hỗ trợ tài chính, ưu đãi thuế, tín dụng xanh, hỗ trợ đổi mới công nghệ và phát triển nguồn nhân lực xanh. Nhà nước đóng vai trò như là “bà đỡ” cho các ngành kinh tế xanh non trẻ, giúp giảm chi phí

chuyển đổi và rủi ro đầu tư trong giai đoạn đầu. Việc tạo động lực phù hợp sẽ thúc đẩy doanh nghiệp chủ động đổi mới mô hình sản xuất - kinh doanh theo hướng bền vững.

Thứ năm, giám sát, đánh giá và bảo đảm thực thi các chính sách kinh tế xanh.

Đây là chức năng không thể thiếu để bảo đảm các mục tiêu và chính sách đã ban hành được triển khai hiệu quả trong thực tiễn. Nhà nước sẽ xây dựng hệ thống chỉ tiêu, dữ liệu và cơ chế đánh giá nhằm theo dõi tiến trình chuyển đổi xanh, đồng thời kịp thời điều chỉnh chính sách khi cần thiết. Việc tăng cường năng lực giám sát và thực thi là điều kiện quan trọng để Nhà nước khẳng định vai trò kiến tạo môi trường kinh tế xanh.

2. Chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế xanh

Ở Việt Nam, kinh tế xanh và tăng trưởng xanh được coi là trụ cột cơ bản để kiến tạo môi trường kinh tế phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Các chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước thể hiện rõ quyết tâm đưa phát triển kinh tế xanh trở thành hướng đi chiến lược trong quá trình tái cấu trúc mô hình tăng trưởng “...xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”⁶. Trên cơ sở định hướng chiến lược đó, Quyết định số 1658/QĐ-TTg đã đề ra chỉ tiêu cụ thể: đến năm 2030 giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên mỗi đơn vị GDP ít nhất 15% so với năm 2014 và tiếp tục giảm ít nhất 30% vào năm 2050; đồng thời, tăng tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung cấp năng lượng sơ cấp lên 15 - 20% vào năm 2030, giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng ở mức 42% và thúc đẩy thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt chuẩn cho ít nhất 95% đến năm 2030. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh cũng nhấn mạnh chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng kinh tế tuần hoàn như một trụ cột quan trọng để tối ưu hóa sử dụng tài nguyên,

giảm thiểu chất thải, gắn kết sâu rộng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Cùng với chiến lược tăng trưởng xanh, hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến môi trường và phát triển bền vững cũng được hoàn thiện, như *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2022) là văn bản pháp lý quan trọng, quy định chặt chẽ các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, yêu cầu đánh giá tác động môi trường, xử lý chất thải và quản lý phát thải khí nhà kính, đồng thời, mở ra cơ sở pháp lý cho việc phát triển các công cụ thị trường, như: thị trường carbon và các cơ chế hỗ trợ sản xuất sạch; đặc biệt, Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035, cụ thể hóa các mục tiêu giảm phát thải, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên và thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành trọng điểm, định hướng dòng vốn đầu tư vào các lĩnh vực thân thiện môi trường và hạn chế hoạt động “tẩy xanh” trên thị trường tài chính.

Bên cạnh đó, các chính sách vĩ mô khác, như: chính sách phát triển năng lượng tái tạo, ưu đãi thuế cho dự án thân thiện môi trường, chính sách thúc đẩy báo cáo trách nhiệm môi trường - xã hội - quản trị (ESG) trong doanh nghiệp... cũng góp phần hoàn thiện chính sách kinh tế xanh tổng thể tại Việt Nam.

3. Thực trạng thực thi vai trò của Nhà nước trong kiến tạo môi trường kinh tế xanh

3.1. Những kết quả đạt được

Một là, về định hướng chiến lược và kiến tạo tầm nhìn phát triển kinh tế xanh: việc ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 đã tạo khung định hướng thống nhất cho các bộ, ngành và địa phương trong việc lồng ghép mục tiêu xanh hóa vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội, tạo khuôn khổ dài hạn cho các chính sách phát triển xanh. Từ định hướng này, nhiều ngành kinh tế trọng điểm, như: năng lượng, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải đã điều chỉnh mục tiêu phát triển theo hướng giảm phát thải, tiết kiệm tài nguyên và sử dụng năng lượng sạch. Việc chuyển đổi tư duy từ “tăng trưởng bằng mọi giá” sang “tăng trưởng gắn với bền vững” thể hiện rõ vai trò dẫn dắt của Nhà nước trong kiến tạo tầm nhìn phát triển kinh tế xanh dài hạn cho quốc gia⁷.

Hai là, về xây dựng và hoàn thiện thể chế: Nhà nước đã tạo lập khung pháp lý cho phát triển kinh tế xanh. *Luật Bảo vệ môi trường* năm 2020 đánh dấu bước tiến lớn khi lần đầu tiên quy định tương đối toàn diện về quản lý phát thải khí nhà kính, trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, kinh tế tuần hoàn và các công cụ kinh tế trong bảo vệ môi trường. Nhiều văn bản, như: Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến hạn ngạch phát thải và trao đổi tín chỉ carbon, giúp hoàn thiện khung pháp lý cho thị trường carbon. Qua đó, không chỉ hệ thống hóa vai trò pháp lý cho thị trường carbon mà còn hướng đến thúc đẩy doanh nghiệp bảo đảm trách nhiệm giảm phát thải theo chu kỳ báo cáo bắt buộc. Khung thể chế về kinh tế xanh đã góp phần nâng cao tiêu chuẩn môi trường trong nước, đồng thời giúp Việt Nam từng bước tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế về phát triển bền vững và kinh tế xanh.

Ba là, về điều tiết và dẫn dắt thị trường theo hướng xanh hóa: Nhà nước triển khai các công cụ thị trường nhằm góp phần chuyển dịch mô hình kinh tế. Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập và phát triển thị trường carbon nhằm tạo cơ chế định giá carbon phù hợp với cam kết giảm nhẹ phát thải quốc gia và thúc đẩy phát triển các dự án sạch. Việc thiết lập hệ thống

hạn ngạch phát thải và tín chỉ carbon là bước quan trọng nhằm khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sạch, giảm phát thải và tạo nguồn tài chính cho hoạt động này thông qua giao dịch tín chỉ carbon⁸. Theo đó, Việt Nam bắt đầu triển khai giai đoạn thí điểm hệ thống giao dịch khí thải (Emissions Trading Scheme - ETS) từ năm 2025 cho các ngành có cường độ phát thải cao, như: thép, xi măng và nhiệt điện. Nhiều doanh nghiệp và nhà đầu tư đang kỳ vọng thị trường carbon sẽ thu hút dòng vốn tài chính lớn hơn để hỗ trợ phát triển mảng năng lượng sạch và các giải pháp giảm phát thải⁹.

Bốn là, thúc đẩy, hỗ trợ và tạo động lực cho các chủ thể kinh tế: Nhà nước đã triển khai nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức và cộng đồng tham gia vào tiến trình chuyển đổi xanh. Chính sách tín dụng xanh và tài chính xanh đã được ngân hàng và hệ thống tài chính điều chỉnh để ưu tiên các dự án thân thiện môi trường, giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng. Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các chỉ thị thúc đẩy phát triển tín dụng xanh, yêu cầu các tổ chức tín dụng tăng cường cơ chế đánh giá rủi ro môi trường trong cấp tín dụng, hướng vốn vào các ngành công nghệ sạch và năng lượng tái tạo. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi khi triển khai các dự án xanh. Ngoài ra, nhiều chương trình hợp tác công - tư cũng đã được triển khai, kêu gọi vốn quốc tế hỗ trợ các dự án phát triển bền vững.

Năm là, về tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế xanh: việc triển khai các quy định về kiểm kê khí nhà kính và báo cáo trách nhiệm giảm phát thải đối với các cơ sở sản xuất là bước đầu trong hệ thống giám sát thực thi chính sách. Công tác giám sát và báo cáo tiến trình thực hiện kinh tế xanh cũng được thực hiện qua các báo cáo định kỳ của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường), các cơ quan liên quan, cung cấp dữ liệu về phát

thải khí nhà kính, tiến trình thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, từ đó tạo cơ sở để điều chỉnh chính sách, nâng cao hiệu lực thực thi.

3.2. Một số hạn chế, bất cập

Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong việc kiến tạo môi trường kinh tế xanh, thực tiễn triển khai hiện nay cũng còn bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định. Trước hết, còn một số nội dung chiến lược quan trọng chưa được cụ thể hóa mạnh mẽ và đồng bộ ở mức ngành và địa phương. Dù đã có các chiến lược lớn như Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vẫn còn thiếu các kế hoạch hành động chi tiết cho từng ngành trọng yếu, như: năng lượng, giao thông, công nghiệp và nông nghiệp. Sự thiếu cụ thể hóa này khiến mục tiêu giảm phát thải, chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng xanh đôi khi vẫn là “định hướng” rộng, thiếu chỉ số và lộ trình đo đếm rõ ràng tại cấp ngành và địa phương. Điều này dễ dẫn đến tình trạng việc triển khai phụ thuộc vào năng lực chủ quan của cơ quan quản lý địa phương hơn là một khuôn khổ pháp lý bắt buộc.

Khung pháp lý hiện nay nhiều nội dung vẫn mang tính hướng dẫn, trong khi các quy định bắt buộc về trách nhiệm giảm phát thải, kiểm soát chất lượng môi trường trong hoạt động sản xuất - kinh doanh chưa có đủ chế tài mạnh. Mặc dù Việt Nam đã bắt đầu xây dựng thị trường phát thải (ETS) giai đoạn thí điểm nhằm đưa mức phát thải của các ngành lớn vào cơ chế điều tiết thị trường, song trong giai đoạn đầu, phần lớn giấy phép phát thải được cấp miễn phí nhằm “hỗ trợ thích ứng” cho doanh nghiệp và không đặt mục tiêu cắt giảm ngay tức thời lượng CO₂, do đó, cơ chế chưa đủ mạnh để điều chỉnh hành vi phát thải một cách quyết liệt.

Năng lực điều phối liên ngành và liên cấp còn hạn chế, dẫn tới thiếu sự thống nhất trong triển khai chính sách xanh. Mô hình tăng trưởng xanh đòi hỏi phối hợp chặt chẽ

giữa nhiều bộ, ngành (Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính...) liên quan đến đầu tư, thuế, tài trợ và quy hoạch phát triển. Trên thực tế, sự phân tán trách nhiệm và sự ưu tiên khác nhau của từng bộ, ngành cũng dẫn khiến một số chính sách triển khai một cách rời rạc, thiếu liên thông, đặc biệt là khi chuyển dịch xanh cần sự đồng bộ từ cấp trung ương tới địa phương.

Nguồn lực hỗ trợ cho thực thi chuyển đổi xanh nhìn chung cũng còn thiếu và chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Dù đã có các cơ chế khuyến khích tài chính xanh, tín dụng xanh và ưu đãi đầu tư cho dự án thân thiện môi trường, nhưng nguồn lực này vẫn chưa đủ bù đắp chi phí cao của việc chuyển đổi công nghệ, đổi mới sản xuất theo chuẩn xanh. Thực tế, chi ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải và hỗ trợ phát triển kinh tế tuần hoàn còn rất nhỏ so với tổng chi tiêu công, với mức chỉ khoảng 1,5% tổng chi tiêu của Chính phủ vào năm 2020 (tương đương 25,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu cho xử lý chất thải) và chưa tăng trong các năm gần đây¹⁰.

Đặc biệt, các chính sách thúc đẩy đầu tư xanh và công nghệ xanh vẫn tồn tại rào cản trên thực tế. Dù Việt Nam đã thu hút dòng vốn đầu tư vào năng lượng sạch, doanh nghiệp và các nhà đầu tư quốc tế vẫn lo ngại chính sách giá điện tái tạo và cơ chế thanh toán. Ngoài ra, hệ thống giám sát, đánh giá và dữ liệu thống kê phục vụ theo dõi tiến trình chuyển đổi xanh của Việt Nam cũng chưa hoàn chỉnh. Mặc dù các cơ quan quản lý đã bắt đầu thiết lập các chỉ số môi trường và báo cáo định kỳ, song việc thu thập dữ liệu đánh giá hiệu quả chính sách kinh tế xanh trong thực tế còn manh mún, thiếu thống nhất giữa các hệ thống thông tin ngành và chưa thể hiện được “bức tranh toàn cảnh” về quá trình chuyển đổi. Do đó, ảnh hưởng tới khả năng phân tích, điều chỉnh chính sách một cách kịp thời, dự báo mối quan hệ giữa chính sách và kết quả thực thi, đặc biệt trong

các lĩnh vực như điều tiết phát thải, chi phí môi trường và hiệu quả sử dụng tài nguyên.

4. Giải pháp phát huy vai trò của Nhà nước trong việc kiến tạo môi trường kinh tế xanh

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế và khung pháp lý về kinh tế xanh theo hướng đồng bộ, ổn định và có tính ràng buộc cao.

Hoàn thiện thể chế là giải pháp nền tảng, giữ vai trò quyết định đối với hiệu quả kiến tạo môi trường kinh tế xanh của Nhà nước. Để hệ thống thể chế có tính liên thông và đủ mạnh nhằm điều chỉnh hành vi của các chủ thể kinh tế, Nhà nước cần tiếp tục tập trung hoàn thiện khung pháp lý về kinh tế xanh theo hướng đồng bộ giữa luật, chiến lược, quy hoạch và chính sách chuyên ngành. Trong đó, rà soát, cập nhật và lồng ghép nhất quán các mục tiêu kinh tế xanh trong hệ thống quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng, bảo đảm các mục tiêu về giảm phát thải, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường không chỉ mang tính định hướng mà trở thành yêu cầu bắt buộc trong quá trình phê duyệt dự án đầu tư và triển khai phát triển kinh tế - xã hội.

Đồng thời, cần sớm hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành *Luật Bảo vệ môi trường năm 2020* liên quan đến kinh tế tuần hoàn, thị trường carbon và trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhằm khắc phục tình trạng “luật đã có nhưng khó thực thi”. Bên cạnh đó, Nhà nước cần điều chỉnh chính sách và có lộ trình rõ ràng, minh bạch nhằm hạn chế thay đổi đột ngột gây rủi ro cho nhà đầu tư và phát huy hiệu quả trong việc định hình môi trường kinh tế xanh.

Thứ hai, nâng cao năng lực điều phối, dẫn dắt và quản trị nhà nước về kinh tế xanh theo hướng tập trung và liên ngành.

Một trong những điểm nghẽn lớn hiện nay là năng lực điều phối liên ngành và liên cấp trong triển khai các chính sách kinh tế xanh còn hạn chế. Để khắc phục tình trạng phân mảnh chính sách và thiếu gắn kết giữa

các bộ, ngành và địa phương, Nhà nước tiếp tục đổi mới mô hình quản trị kinh tế xanh theo hướng tập trung hơn về điều phối nhưng linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Theo đó, cần xác định rõ cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm điều phối tổng thể các chính sách kinh tế xanh ở cấp quốc gia, có đủ thẩm quyền để điều hòa lợi ích, phân công trách nhiệm và giám sát thực thi giữa các bộ, ngành. Cơ chế điều phối này không nhằm tạo thêm tầng nấc hành chính mà để bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu chiến lược và các chính sách cụ thể về đầu tư, tài chính, môi trường, năng lượng và phát triển công nghiệp.

Tiếp tục tăng cường phân cấp gắn với nâng cao trách nhiệm giải trình cho chính quyền địa phương trong triển khai kinh tế xanh. Các địa phương cần được trao quyền chủ động hơn trong lựa chọn mô hình phát triển xanh phù hợp với điều kiện thực tiễn, song phải tuân thủ chặt chẽ các tiêu chí, chỉ tiêu và chuẩn mực quốc gia. Việc kết hợp hài hòa giữa điều phối tập trung ở trung ương và chủ động thực hiện ở địa phương sẽ giúp Nhà nước phát huy hiệu quả vai trò “nhạc trưởng” trong việc kiến tạo môi trường kinh tế xanh, đồng thời tránh được tình trạng áp dụng chính sách một cách máy móc và thiếu linh hoạt.

Thứ ba, phát triển mạnh mẽ các công cụ thị trường và cơ chế kinh tế nhằm thúc đẩy chuyển đổi xanh.

Để vai trò kiến tạo của Nhà nước thực sự đi vào chiều sâu, việc phát triển các công cụ thị trường và cơ chế kinh tế xanh là yêu cầu mang tính tất yếu. Thực tiễn quốc tế cho thấy, các công cụ mệnh lệnh - hành chính chỉ phát huy hiệu quả khi được kết hợp hài hòa với các công cụ kinh tế nhằm điều chỉnh hành vi của doanh nghiệp và người tiêu dùng thông qua tín hiệu thị trường. Trong thời gian tới, Nhà nước cần đẩy nhanh lộ trình xây dựng và vận hành thị trường carbon trong nước theo hướng từng bước mở rộng phạm vi, nâng cao tính minh bạch và tăng dần mức độ ràng buộc về cắt giảm phát thải.

Việc thiết kế thị trường carbon cần phù hợp với năng lực quản lý và sức chịu đựng của doanh nghiệp Việt Nam, tránh gây “cú sốc” chi phí trong ngắn hạn nhưng đồng thời phải đủ mạnh để tạo động lực đổi mới công nghệ và giảm phát thải trong trung và dài hạn.

Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát triển các công cụ tài chính xanh, như: trái phiếu xanh, tín dụng xanh, quỹ đầu tư xanh và cơ chế bảo lãnh tín dụng cho các dự án thân thiện môi trường. Nhà nước giữ vai trò kiến tạo thông qua việc hoàn thiện khung pháp lý, chuẩn hóa tiêu chí dự án xanh và giảm thiểu rủi ro cho khu vực tư nhân khi tham gia đầu tư vào các lĩnh vực mới, có độ rủi ro cao trong giai đoạn đầu. Việc sử dụng hiệu quả các công cụ thị trường sẽ giúp chuyển đổi xanh trở thành động lực tăng trưởng mới thay vì gánh nặng chi phí đối với nền kinh tế.

Thứ tư, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp và các chủ thể kinh tế trong quá trình chuyển đổi xanh, lấy khu vực tư nhân làm trung tâm.

Doanh nghiệp là lực lượng trực tiếp hiện thực hóa mục tiêu kinh tế xanh trong thực tiễn sản xuất - kinh doanh. Tuy nhiên, hiện nay phần lớn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, còn hạn chế về nguồn lực tài chính, công nghệ và năng lực quản trị để thực hiện chuyển đổi xanh. Vì vậy, Nhà nước cần phát huy mạnh mẽ vai trò hỗ trợ, tạo động lực và đồng hành cùng doanh nghiệp, cụ thể: mở rộng khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp thông qua các chương trình tín dụng xanh, ưu đãi thuế và hỗ trợ lãi suất đối với các dự án đầu tư vào công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và mô hình kinh tế tuần hoàn. Các chính sách hỗ trợ cần được thiết kế theo hướng đơn giản hóa thủ tục, minh bạch tiêu chí và tránh tình trạng “xin - cho”, qua đó, nâng cao hiệu quả thực thi. Ngoài ra, việc xây dựng các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh, cung cấp tư vấn kỹ thuật, chia sẻ mô hình tốt và kết nối doanh nghiệp với các đối tác công nghệ trong và ngoài nước. Đây là điều kiện quan trọng để

khu vực tư nhân thực sự trở thành động lực trung tâm của nền kinh tế xanh ở Việt Nam.

Thứ năm, hoàn thiện hệ thống giám sát, đánh giá và nâng cao hiệu lực thực thi chính sách kinh tế xanh.

Để thực hiện điều này, cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê thống nhất về kinh tế xanh, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững, làm cơ sở cho việc theo dõi, đánh giá tiến trình chuyển đổi ở cả cấp quốc gia và địa phương. Hệ thống cần được tích hợp với các cơ sở dữ liệu về môi trường, năng lượng và đầu tư, phục vụ công tác hoạch định và điều chỉnh chính sách kịp thời. Cùng với đó, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường, bảo đảm tính răn đe và công bằng trong thực thi chính sách.

5. Kết luận

Phát triển kinh tế xanh ngày nay không chỉ là xu thế tất yếu của thế giới mà còn là yêu cầu khách quan đối với Việt Nam trong quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng phát triển và thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, Nhà nước đã thể hiện rõ vai trò trung tâm trong việc định hướng chiến lược, xây dựng thể chế, điều tiết thị trường và thúc đẩy các chủ thể kinh tế tham gia vào tiến trình chuyển đổi xanh.

Tuy nhiên, khách quan nhìn nhận, quá trình hiện thực hóa các mục tiêu kinh tế xanh vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức về thể chế, nguồn lực, năng lực điều phối và hiệu quả thực thi chính sách. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò kiến tạo của Nhà nước trong tổ chức thực hiện, giám sát và điều chỉnh chính sách trên cơ sở thực tiễn. Nhà nước cần chuyển mạnh sang vai trò kiến tạo phát triển, chủ động dẫn dắt, hỗ trợ và tạo lập các điều kiện thuận lợi để các chủ thể kinh tế tham gia sâu rộng vào quá trình chuyển đổi xanh. Có như vậy, kinh tế xanh mới thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng

bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và bảo đảm hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và tiến bộ xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới. □

Chú thích:

1. Green Economy. <https://www.unep.org>, ngày 23/01/2018.
2. Những khái niệm về kinh tế xanh. <https://scp.gov.vn>, ngày 06/9/2023.
3. Towards Green Growth. <https://www.oecd.org>, ngày 25/5/2011.
4. Towards a Green Economy Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication. <https://www.unep.org>, ngày 22/02/2011.
5. Environment. <https://www.worldbank.org>, ngày 16/11/2025.
6. Chiến lược phát triển kinh tế xanh thúc đẩy tăng trưởng xanh ở Việt Nam. <https://vneconomy.vn>, ngày 17/02/2025.
7. Tăng trưởng xanh tiên đề để phát triển bền vững. <https://baochinhphu.vn>, ngày 18/11/2023.
8. Phát triển thị trường carbon để thúc đẩy chuyển đổi xanh. <https://evn.com.vn>, ngày 18/02/2025.
9. Thị trường carbon mở ra cơ hội phát triển thu hút đầu tư xanh. <https://vneconomy.vn>, ngày 25/02/2025.
10. Giải pháp tài chính phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam. <https://scp.gov.vn>, ngày 02/10/2023.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ (2025). Nghị định số 119/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 của Chính phủ quy định giám nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn.
2. Quốc hội (2020). Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
3. Thủ tướng Chính phủ (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
4. Thủ tướng Chính phủ (2025). Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 23/01/2025 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035.
5. Thủ tướng Chính phủ (2025). Quyết định số 232/QĐ-TTg ngày 24/01/2025 phê duyệt Đề án Thành lập và phát triển thị trường các-bon tại Việt Nam.